TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-PT
Ngày 07 tháng 8 năm 2017
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thân Quốc Hùng
Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền
Ông Lương Xuân Lộc

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đỗ Văn Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 21/2017/TLPT-HNGĐ ngày 10/5/2017. Về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2017/HNGĐ-ST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐPT- HNGĐ ngày 22/6/2017 và thông báo mở lại phiên tòa số 13/ TB-TA ngày 26/7/2017 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1978

HKTT: Đường L, khu dân cư số 3, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

-*Bị đơn:* Anh Đặng Thái A, sinh năm 1982

Địa Chỉ: Đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy S- Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thành phố B.

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (không triệu tập).

2. Bà Đồng Thị D, sinh năm 1941

Địa chỉ: Đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

3. Chị Đặng Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Nam Đ, quận Đ, thành phố Hà Nội (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của chị Thảo: chị Đặng Thị T1, sinh năm 1975

HKTT: Đường T, tổ L, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

-Người kháng nghị: Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kiều L trình bày:

Chị và anh Đặng Thái A kết hôn vào ngày 10/09/2013, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được UBND phường T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh Thái A về chung sống với chị tại nhà riêng của chị tại phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc và có 01 con chung. Mâu thuẫn của vợ chồng chị phát sinh từ khoảng 1 năm trở lại đây, vợ chồng đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình trạng vợ chồng ngày một căng thẳng. Mặc dù, người thân hai bên đã động viên khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi trong cuộc sống hàng ngày. Hơn nữa, anh Thái A ngày càng không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, thường xuyên chửi bới, xúc phạm và có khi đánh đập chị, đập phá tài sản của chị. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân 01 năm này, anh Thái A về sống cùng mẹ đẻ tại đường T, phường L, thành phố B nhưng thỉnh thoảng anh Thái A vẫn về gây sự, đập phá tài sản của chị. Nay chị thấy giữa chị và anh Thái A đã không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thái A.

Về con chung: Chị và anh Thái A có một con chung là Đặng Hà M, sinh ngày 01/6/2014, hiện nay con chung đang ở với chị, do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu M cho chị nuôi dưỡng. Yêu cầu anh Thái A phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Hiện

nay, chị đang làm kinh doanh thu nhập bình quân từ 6-7 triệu đồng/1 tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh Thái A không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2016 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn là anh Đặng Thái A trình bày: Anh và chị L kết hôn năm 2009, sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến ngày 10/9/2013 anh và chị L làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 10/2016, nguyên nhân mâu thuẫn vì chị L có qua lại bất chính với người đàn ông khác và không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, từ đó dẫn đến việc vợ chồng xích mích, căng thẳng, đánh cãi chửi nhau. Sau khi vợ chồng cãi nhau anh đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở và không sống cùng chị L nữa, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Nay anh đồng ý ly hôn với chị L vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh và chị L có con chung là Đặng Hà M, sinh ngày 01/6/2014, hiện nay con chung đang ở với chị L, anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Nhà 03 tầng xây trên diện tích đất 87m^2, diện tích 01 sàn là 93m^2, xây năm 2013 tại địa chỉ phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Toàn bộ trang thiết bị trong 03 phòng hát gồm: điều hòa, dàn âm thanh, 02 tivi nhãn hiệu Samsung 43 inch, 01 tivi nhãn hiệu sam sung 54 inch, 01 ti vi nhãn hiệu LG 43 inch, 01 bộ bàn ghế sopha mua năm 2004, 01 giường ngủ, 01 tủ nhôm kính, 02 tủ gỗ.

Ngoài ra, vợ chồng không có tài sản chung nào khác và anh không yêu cầu chia tài sản chung nào khác. Anh ước tính giá trị toàn bộ tài sản trên là 1.000.000.000 đồng, anh đề nghị chia đôi và xin nhận giá trị bằng tiền là 500.000.000 đồng.

Về công nợ chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền 400.000.000đồng, đề nghị chia đôi khoản nợ; vay của mẹ đẻ anh là bà Đồng Thị D số tiền 70.000.000 đồng, đề nghị chia đôi khoản nợ, vay của chị Đặng Thị T số tiền 50.000.000 đồng, đề nghị chia đôi khoản nợ, mỗi người phải chịu một nửa. Việc vợ chồng anh vay Ngân hàng có hợp đồng, có chữ ký của

anh, còn việc vay nợ tiền bà D và chị T thì chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có văn bản giấy tờ gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đồng Thị D trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh Thái A bà có cho vợ chồng anh Thái A vay số tiền 70.000.000 đồng để làm nhà, do là mẹ con nên khi đưa không có văn bản giấy tờ gì. Nay bà yêu cầu một mình chị L phải có trách nhiệm trả bà toàn bộ số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị T trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Thái A và chị L chị có cho vợ chồng anh Thái A và chị L vay số tiền 50.000.000 đồng là đúng.

Tại bản tự khai và các bản khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam do ông Nguyễn Huy Sơn- Phó giám đốc ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh thành phố B trình bày: Đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án giữa chị L và anh Thái A, buộc gia đình chị L phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/2/2017 là 201.875.000 đồng. Ngày 06/3/2017 Ngân hàng có đơn đề nghị được rút nội dung đã đề nghị Tòa án buộc khách hàng phải trả nợ ngay. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V và khách hàng tiếp tục thực hiện thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng vì lý do hợp đồng tín dụng chưa đến kỳ hạn trả nợ tiếp theo. Trường hợp chị Nguyễn Thị Kiều L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng thì ngân hàng sẽ khởi kiện khách hàng vào một thời điểm khác. Ngân hàng đề nghị Tòa án không triệu tập Ngân hàng vào tham gia tố tụng và đề nghị được vắng mặt tại các phiên xét xử của Tòa án trong vụ án ly hôn giữa chị L và anh Thái A.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành làm việc xác minh với Công an phường T và được cung cấp như sau: Vợ chồng chị L và anh Thái A đã sinh sống tại địa chỉ đường L, phường T, Bắc Giang từ khoảng năm 2013 đến nay. Tuy nhiên, thực tế anh Thái A thường xuyên vắng nhà chỉ thi thoảng mới về. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra xích mích cãi cọ nhưng không trình báo lên Công an. Vào ngày 22/12/2016 chị L có gọi điện báo trực ban Công an phường T về việc anh Thái A có hành động đập phá đồ đạc, tài sản của gia đình và công an phường T đã cử một cán bộ xuống chứng kiến sự việc trên và lập biên bản.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà sơ thẩm: chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và công nợ chung. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh Thái A, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái A. Về con chung: Đề

nghị được nuôi dưỡng con chung là Đặng Hà M, sinh ngày 01/6/2014, chị yêu cầu anh Thái A phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/1tháng.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định trong thời kỳ hôn nhân mẹ chồng chị là bà Đồng Thị D có chuyển cho anh Thái A, anh Thái A có đưa cho chị số tiền 70.000.000 đồng và chị chồng chị là chị Đặng Thị T có chuyển cho anh Thái A số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền này bà D và chị T chuyển để hỗ trợ vợ chồng chị trong thời gian anh Thái A không có việc làm và chữa trị việc sinh con, vợ chồng chị đã sử dụng vào việc chữa sinh con hết. Nay vì tình cảm chị đồng ý trả cho bà D, chị T một nửa khoản nợ, do điều kiện khó khăn còn phải nuôi con chị xin bà D và chị T cho chị được trả dần khoản nợ. Một nửa còn lại yêu cầu anh Thái A phải trả cho bà D và chị T. Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân anh Thái A còn lấy của chị 02 chiếc xe máy và còn lấy của chị số tiền 70.000.000đồng để cho bạn anh Thái A vay đến nay vẫn chưa trả, tuy nhiên chị không yêu cầu gì về việc này.

Anh Thái A trình bày: Về đăng ký kết hôn chị L trình bày là đúng, tuy nhiên anh chị kết hôn từ năm 2009, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L có qua lại bất chính với người đàn ông khác và không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Anh đề nghị Tòa án giao con chung Đặng Hà M, sinh ngày 01/6/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung như chị L yêu cầu. Về tài sản chung: Đề nghị chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Lý do anh không nộp tiền tạm ứng án phí là do anh không có tiền để nộp. Về công nợ chung năm 2013 vợ chồng có nợ mẹ anh là bà D số tiền 70.000.000 đồng, nợ chị T số tiền 50.000.000 đồng để xây nhà, yêu cầu cá nhân chị L phải trả cho bà D và chị T toàn bộ số nợ này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đồng Thị D trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh Thái A bà có cho vợ chồng anh Thái A vay số tiền 70.000.000 đồng để làm nhà. Nay bà yêu cầu một mình chị L phải có trách nhiệm trả bà toàn bộ số tiền trên.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đặng Thị T là chị Đặng Thị T1 trình bày: Năm 2013 chị T có cho vợ chồng Thái A, L vay số tiền 50.000.000 đồng, nay chị T yêu cầu chị L phải trả cho chị T toàn bộ số tiền trên.

Với nội dung trên tại bản Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2017/HNGĐ-ST ngày 4/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã áp dụng Điều 29, Điều 30, Điều 37 Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và

Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 6, 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều L và Anh Đặng Thái A.

2.Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh Thái A về việc giao con chung Đặng Hà M, sinh ngày 01/6/2014 cho chị Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đặng Thái A có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L 1000.000 đồng/1 tháng từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/4/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Thái A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về nghĩa vụ chung về tài sản:

- Buộc chị Nguyễn Thị Kiều L phải trả cho bà Đồng Thị D số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và trả cho chị Đặng Thị T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

- Buộc anh Đặng Thái A phải trả cho bà Đồng Thị D số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và trả cho chị Đặng Thị T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều L phải chịu 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 3.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 200.000đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/05858 ngày 19/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. chị L còn phải thi hành số tiền 3.000.000 đồng án phí DSST.

Anh Đặng Thái A phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Đồng Thị D số tiền 1.750.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/05985 ngày 01/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Hoàn trả chị Đặng Thị T số tiền 1.250.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/05986 ngày 01/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 18/4/2017 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B có quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-DS. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm không buộc anh Đặng Thái A trả nợ và phần án phí mà anh Đặng Thái A phải chịu, đồng thời buộc chị Đặng Thị Thảo phải chịu án phí dân sự đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

*Tại Phiên tòa phúc thẩm:*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều L vắng mặt; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không rút kháng nghị.

Anh Đặng Thái A trình bầy: Án sơ thẩm xử xong anh không kháng cáo, chấp nhận bản án sơ thẩm.

Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B anh nhất trí không có ý kiến gì.

Bà Đồng Thị D trình bầy: Án sơ thẩm xử xong bà không kháng cáo, chấp nhận bản án sơ thẩm.

Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B bà nhất trí không có ý kiến gì. Bà chỉ đề nghị chị L trả ngay cho bà số tiền theo án tuyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: chị L có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình; anh Đặng Thái A, bà Đồng Thị D có mặt tại phiên tòa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 72,73 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị T vắng mặt ủy quyền cho chị Đặng Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do không chấp hành quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến kiểm sát viên, sau khi nghe Hội đồng xét xử nhận định:

***Về thủ tục tố tụng**:

Về người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Kiều L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Đặng Thị T ủy quyền cho chị Đặng Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt chị L, chị T1 theo quy định tại điểm khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

***Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Đặng Thái A kết hôn ngày 10/9/2013 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Do mẫu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Thái A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hòa giải đoàn tụ gia đình. chị L và anh Thái A đều yêu cầu Tòa án cho ly hôn nên bản án sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Thái A theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Về con chung: chị L và anh Thái A có 01 con chung là Đặng Hà M, sinh ngày 01/6/2014, hiện nay cháu M đang sống cùng chị L. Do anh Thái A và chị L thỏa thuận được về việc giao con chung cho chị L nuôi và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Nên bản án sơ thẩm đã Công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh Thái A về việc giao con chung Đặng Hà M, sinh ngày 01/6/2014 cho chị Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đặng Thái A có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L 1000.000đồng/ 1 tháng từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/4/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Thái A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Về tài sản chung: Anh Thái A yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, ngày 17/01/2017 Tòa án thông báo cho anh Thái A nộp tạm ứng án phí. Tuy nhiên, hết thời hạn theo thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, anh Thái A không nộp, Tòa án không thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của anh Thái A trong vụ án. Sau này, nếu các đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: anh Thái A yêu cầu chia công nợ chung là khoản nợ của vợ chồng tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền 400.000.000 đồng, nợ bà D số tiền 70.000.000 đồng, nợ chị T số tiền 50.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm Buộc chị Nguyễn Thị Kiều L phải trả cho bà Đồng Thị D số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và trả cho chị Đặng Thị T số tiền 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng); Buộc anh Đặng Thái A phải trả cho bà Đồng Thị D số tiền 35.000.000đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và trả cho chị Đặng Thị T số tiền 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Đối với

khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền 400.000.000 đồng Ngân hàng đã rút yêu cầu nên bản án sơ thẩm không xem xét. Các đương sự không kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 16/2017/HNGĐ-ST ngày 4/4/2017 về phần giải quyết nghĩa vụ chung về tài sản. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm buộc anh Đặng Thái A trả nợ và phần án phí mà anh Đặng Thái A phải chịu, đồng thời buộc chị Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Hội đồng xét xử thấy:

Bà Đồng Thị D trình bầy bà cho vợ chồng chị L, anh Thái A vay 70.000.000 đồng; chị Đặng Thu T trình bầy cho vợ chồng chị L, anh Thái A vay 50.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà D yêu cầu chị L trả 70.000.000 đồng, tại phiên tòa chị T là người đại diện theo ủy quyền của chị T yêu cầu chị L trả 50.000.000 đồng, không yêu cầu anh Đặng Thái A trả nợ. Anh Đặng Thái A xác định vợ chồng anh vay bà D 70.000.000 đồng, vay chị T 50.000.000 đồng để xây nhà, tại phiên tòa anh Thái A yêu cầu chị L phải trả toàn bộ số nợ này. Chị L xác định đây là số tiền bà D, chị T hỗ trợ vợ chồng trong lúc anh Thái A không có việc làm, hỗ trợ sinh con, chị đồng ý trả ½ số nợ do vậy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của bà D và chị T buộc chị L trả ½ nợ chung; đối với khoản nợ chung còn lại khi nào bà D và chị T yêu cầu anh Đặng Thái A thì sẽ giải quyết trong vụ án khác. Như vậy, Tòa sơ thẩm buộc anh Đặng Thái A trả nợ và chịu án phí trả nợ là giải quyết ngoài phạm vi yêu cầu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5 BLTTDS, ảnh hưởng đến quyền lợi ích của đương sự. Nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS. Sửa bản án sơ thẩm không buộc anh Đặng Thái A phải trả cho bà Đồng Thị D số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và trả cho chị Đặng Thị T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà D đòi chị L số tiền 35.000.000 đồng; Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị T đòi chị L số tiền 35.000.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: do chị Đặng Thị T chỉ được chấp nhận một phần yêu cầu đòi nợ nên phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Đối với án phí sơ thẩm anh Đặng Thái A phải chịu theo bản án sơ thẩm là 3.000.000 đồng. Do sửa bản án sơ thẩm về giải quyết công nợ đối với anh Thái A nên sửa bản án sơ thẩm về án phí giải quyết công nợ. Anh Đặng Thái A không phải chịu án phí giải quyết công nợ.

Đối với bà Đồng Thị D, sinh năm 1941. Hiện nay trên 60 tuổi là người cao tuổi nên được miễn án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng nghị số 02/QĐKNPT-DS Ngày 18/4/2017 của Viện Trưởng Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015. Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đồng Thị D buộc chị Nguyễn Thị Kiều L phải trả cho bà Diên số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị Đặng Thị T buộc chị Nguyễn Thị Kiều L phải trả cho chị Thảo số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị Kiều L phải trả cho bà Đồng Thị D số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và trả cho chị Đặng Thị T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều L phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đặng Thái A không phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đồng Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Đồng Thị D số tiền 1.750.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/05985 ngày 01/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Chị Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.250.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/05986 ngày 01/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự Thành phố B;
-UBND phường T, Tp B, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã Ký)

Thân Quốc Hùng